TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 05 tháng 3 năm 2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Phước

2. Bà Lý Phòl Ly

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Hoàng Thân

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT*** *tham gia phiên tòa:* Ông Khương Hoài Thương, chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện GT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2017/TLST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N

Người đại diện pháp luật: Ông Tiết Văn T , Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 02 L , quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Vũ Văn T , cán bộ ngân hàng N - Chi nhánh thị xã H– Phòng giao dịch M(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Kha Văn C, sinh năm 1945 (Có đơn xin xét xử vắng mặt) và bà Trần Thị B**,** sinh năm 1946 (Có mặt). Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã V2, thành phố C, tỉnh An Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Là ông Trần Duy K – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Phi H, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Kim B, sinh năm 1973 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 07/12/2016 nguyên đơn Ngân hàng N (A) trình bày:

Ngày 17/12/2017 tại Phòng giao dịch M(Ngân hàng N, chi nhánh R, phòng giao dịch M), vợ chồng ông Kha Văn C, bà Trần Thị B có ký kết hợp đồng tín dụng số 7711LAV/HĐTD để vay số tiền là 50.000.000 đồng trong kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 11,5%/năm; mục đích sử dụng vốn vay là sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Đây là trường hợp cho vay không có tài sản bảo đảm nên không có hợp đồng thế chấp tài sản mà người vay là bà B, ông C chỉ lập tờ cam kết ngày 17/12/2017 thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 26.220 m^2 tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện GT (nay là ấp T) theo giấy chứng nhận số AP 891964 được UBND huyện GT cấp ngày 28/10/2009 do ông Kha Văn C đứng tên chủ sử dụng nhằm cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích mà thôi.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Kha Văn C, bà Trần Thị B đã trả cho ngân hàng được 22.000.000 đồng nợ gốc, sau đó thì ngưng không tiếp tục thanh toán. Vì vậy sau nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng không có kết quả ngân hàng A đã khởi kiện ông C, bà B đến Tòa án nhân dân huyện GT yêu cầu giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Kha Văn C, bà Trần Thị B phải thanh toán ngay số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 73.122.007 đ (Bảy mươi ba triệu một trăm hai mươi hai nghìn lẻ bảy đồng) bao gồm tiền nợ gốc 28.000.000 đồng, nợ lãi 45.122.007 đồng.

Do giữa ngân hàng và người vay không có hợp đồng thế chấp tài sản nên đại diện ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 26.220 m^2 tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện GT (nay là ấp T) theo giấy chứng nhận số AP 891964 được UBND huyện GT cấp ngày 28/10/2009 để thi hành.

Bị đơn ông Kha Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2018 ông trình bày: Ông thừa nhận có vay ngân hàng A và còn nợ 31.000.000 đồng, cam kết trong 02 năm thanh toán đủ gốc, riêng khoản nợ lãi ông đề nghị ngân hàng rút lại yêu cầu về lãi để vợ chồng ông có điều kiện trả nợ.

Bị đơn bà Trần Thị B (thông qua Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Trần Duy K) trình bày: Bà thừa nhận có vay Ngân hàng A số tiền gốc là 50.000.000 đồng, hiện nay bà còn nợ số tiền gốc là 28.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán ngay nên bà xin trả hai tháng

500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Riêng khoản nợ lãi bà đề nghị ngân hàng rút lại yêu cầu về lãi để vợ chồng bà có điều kiện trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phi H, bà Trần Thị Kim B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản ghi lời khai trình bày như sau: Ông bà có thuê phần đất ông C, bà B đang dùng làm tài sản bảo đảm cho ngân hàng A với diện tích là 26.220 m2, đất tọa lại tại ấp T, xã V, huyện GT, hiện nay vẫn thuê thời hạn thuê từ tháng 9/2019 đến tháng 9/2022 với số tiền 50.000.000 đồng. Nay ông H, bà B không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, nếu cơ quan có thẩm quyền phát mãi thì ông bà đồng ý giao đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng, Nguyên đơn Ngân hàng N (A) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Kha Văn C, bà Trần Thị B thanh toán số tiền nợ vay 73.122.007 đ (Bảy mươi ba triệu một trăm hai mươi hai nghìn lẻ bảy đồng) bao gồm tiền nợ gốc 28.000.000 đồng, nợ lãi 45.122.007 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7711LAV/HĐTD ngày 17/12/2013. Tranh chấp trên thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật dân sự năm 2005 về hợp đồng vay tài sản; việc khởi kiện của nguyên đơn thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện.

[2]. Xét trường hợp vắng mặt của bị đơn ông Kha Văn C tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy ông C có dơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng còn lại cũng đề nghị xét xử vắng mặt ông C. Do đó, theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Kha Văn C.

[3]. Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng theo hợp đồng tín dụng số 7711LAV/HĐTD ngày 17/12/2013 thì ông Kha Văn C, bà Trần Thị B có vay của ngân hàng A số tiền 50.000.000 đồng trong kỳ hạn 12 tháng. Tại Điều 3 hợp đồng và phụ lục hợp đồng có ghi: Trả gốc 01 lần vào ngày 16/12/2014, tại Điều 2 kỳ trả lãi có ghi: trả lãi 06 tháng 01 lần vào ngày 25 nhưng đến nay ông C, bà B chưa trả đủ tiền gốc, lãi cho Ngân hàng theo thời hạn nêu trên là vi phạm hợp đồng và có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán khoản nợ vay còn lại mà đại diện nguyên đơn yêu cầu tại tòa.

Mặt khác, theo Điều 471 BLDS quy định:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tiền cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định".

Điều 474 quy định:

"1/ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ..."

Như vậy, có đủ căn cứ để buộc bị đơn ông Kha Văn C, bà Trần Thị B thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng A số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 73.122.007đ (Bảy mươi ba triệu một trăm hai mươi hai nghìn lẻ bảy đồng) bao gồm tiền nợ gốc 28.000.000 đồng, nợ lãi 45.122.007 đồng.

Đối với tài sản bảo đảm khi vay, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là trường hợp cho vay không có tài sản bảo đảm nên không có hợp đồng thế chấp tài sản mà người vay là bà B, ông C chỉ lập tờ cam kết ngày 17/12/2017 thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 26.220 m^2 tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện GT (nay là ấp T) theo giấy chứng nhận số AP 891964 được UBND huyện GT cấp ngày 28/10/2009 do ông Kha Văn C đứng tên chủ sử dụng nhằm cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích mà thôi. Do đó tại phiên tòa diện ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất mà ông C, bà B đã dùng để cam kết với ngân hàng nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ngân hàng.

Ông Võ Phi H, bà Trần Thị Kim B có thuê đất diện tích 26.220 m2 mà ông C, bà B đang thế chấp cho Ngân hàng A nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông H, bà B không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT phát biểu quan điểm :

Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung, đề nghị HĐXX áp dụng quy định của pháp luật về Hợp đồng tín dụng để làm cơ sở giải quyết vụ án và buộc ông C, bà B có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng cho nguyên đơn là Ngân hàng A.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn Ngân hàng A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp

Do ông C, bà B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí sơ thẩm nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét các trường hợp miễn án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 355, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (A);

Buộc bị đơn ông Kha Văn C, bà Trần Thị B phải thanh toán cho ngân hàng N số tiền 73.122.007đ (Bảy mươi ba triệu một trăm hai mươi hai nghìn lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông C, bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.213.000đ (Một triệu hai trăm mười ba nghìn đồng) theo lai thu số 0004699 ngày 17/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT;

Miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm cho bị đơn ông Kha Văn C và bà Trần Thị B do là người cao tuổi.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2020).

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện GT;
- CC THA DS huyện GT;
- Những người TGTT;
- Löu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Hồng Phong